

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày 18/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Minh Lợi
- Bà Thái Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXX-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28b/2025/QĐ-HPT ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị V, sinh năm 1955

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (đã chết)

2. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

2. 1. Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố Minh Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, có mặt

2. 2. Bà Ngô Thị Bích T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố Minh Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

2. 3. Ông Ngô Quốc T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: khu phố Minh Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

2. 4. Ông Ngô Quốc T3, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Minh Hòa, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

2. 5. Ông Ngô Quốc T4, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Cổ Mã, xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

2. 6. Ông Ngô Quốc T5, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố Minh Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

2. 7. Ông Ngô Quốc T6, sinh năm 2000

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình luận

Bà Ngô Thị Bích T1, ông Ngô Quốc T2, ông Ngô Quốc T3, ông Ngô Quốc T4, ông Ngô Quốc T5 và ông Ngô Quốc T6 ủy quyền cho ông Ngô Quốc T

3. Bị đơn: Bà Phan Thị Uyên P, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Đoàn Thanh T7, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Ông Huỳnh Đoàn Thanh T7 ủy quyền cho bà Phan Thị Uyên P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Lương Thị V (gọi tắt là bà V) trình bày: Bà với bà Phan Thị Uyên P (sau đây gọi là bà P) có mối quan hệ làm ăn với nhau. Bà P vay tiền của bà nhiều lần dẫn đến bà P không có khả năng trả nợ, bà có tìm đến nhà bà P để giải quyết.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, bà và gia đình bà P chốt số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 330.000.000 đồng. Nhà bà P thống nhất chuyển nhượng cho bà 02 sào đất nông nghiệp để cán trừ số tiền 1.700.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 330.000.000 đồng, bà cho 130.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng, bà P xin góp 2.000.000 đồng/tháng, bà đồng ý và bà P viết giấy cho bà.

Sau đó, bà P đến nhà bà năn nỉ nhiều lần hỏi vay 100.000.000 đồng, bà không đồng ý nhưng bà P năn nỉ quá nên bà vay của người khác cho bà P vay lại. Ngày 31/5/2023, bà P đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T8 để làm tin vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng và viết giấy cho bà giữ. Lãi suất của tiền vay không ghi trong giấy nhưng ở ngoài người ta thường trả là 6%/tháng, thời gian vay là 10 ngày. Sau khi vay, bà P không

trả cho bà đồng nào, bà phải bỏ tiền túi để trả lãi cho người ta. Bà yêu cầu bà P hoàn trả cho bà tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 12 tháng với mức lãi suất 6%/tháng là 72.000.000 đồng.

Sau đó, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P hoàn trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho đến ngày giải quyết.

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà V do ông Ngô Quốc Trung đại D vẫn giữ nguyên yêu cầu của bà V.

Bị đơn bà Phan Thị Uyên P trình bày: Bà V là chỗ quen biết với bà. Năm 2021, bà và bà V là chỗ làm ăn với nhau. Do đó, bà có vay tiền của bà V nhiều lần. Tháng 6 năm 2023, bà và bà V có đối chiếu lại sổ nợ, theo đó bà có nợ của bà Lương Thị V số tiền 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau này, ba chồng bà là ông Huỳnh Thanh H đồng ý cho bán đất của ông H để cân trừ hết số nợ tiền gốc là 1.650.000.000 đồng và cân trừ hết số nợ tiền lãi. Còn đối với chứng cứ có dòng chữ: "*ngày 31/5/2023 P có mượn cô M số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng)*" có chữ ký và chữ viết của bà Phan Thị Uyên P. Bà V nộp cho Tòa án để khởi kiện bà, chứng cứ này là một trong những giấy tờ thể hiện bà có vay tiền của bà V. Đây là một trong những giấy tờ sau khi bà và bà V đã đối chiếu các lần vay thành số tiền gốc 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Còn chữ ghi và chữ ký là của bà ghi và ký. Do bà đã hoàn trả hết số nợ cho bà V nên bà không có công nhận đối với chứng cứ này. Vì vậy, bà không thừa nhận bà còn nợ của bà V số tiền 172.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà V. Bà V có tên gọi ngoài là M. Việc bà làm ăn với bà V, chồng bà ông Huỳnh Đoàn Thanh T7 không có biết, đây là việc làm ăn riêng của bà không có liên quan gì đến ông Huỳnh Đoàn Thanh T7. Lợi nhuận việc làm ăn tôi dùng vào mục đích của cá nhân tôi, không liên quan gì đến gia đình tôi.

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị V đối với bà Phan Thị Uyên P về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Phan Thị Uyên P hoàn trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 20.000.000 đồng cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Lương Thị V do ông Ngô Quốc T làm đại diện.

Về án phí: Bà Phan Thị Uyên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà V yêu cầu bà P có trách nhiệm trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh theo pháp luật. Đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng các văn bản tố tụng cho bà P và ông T7 theo đúng các quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự cũng như xét xử vắng mặt bà P và ông T7 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

3.1. Về nội dung và hình thức hợp đồng: Theo nội dung tờ giấy ghi ngày 31/5/2023, do bà V cung cấp có nội dung: “*ngày 31/5/2023 P có mượn cô M số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng)*” có chữ ký và chữ viết của bà Phan Thị Uyên P”. Bà P cũng thừa nhận đây là nội dung bà viết. Tuy nhiên, bà cho rằng khoản tiền này là một trong những khoản tiền bà đã vay của bà V và gia đình bà đã trả hết cho bà V nhưng bà không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh.

Bà V trình bày, bà P vay tiền của bà nhiều lần dẫn đến bà P không có khả năng trả nợ, bà có tìm đến nhà bà P để giải quyết. Ngày 09 tháng 5 năm 2023, bà và gia đình bà P chốt số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 330.000.000 đồng. Nhà bà P thống nhất chuyển nhượng cho bà 02 sào đất nông nghiệp để cân trừ số tiền 1.700.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 330.000.000 đồng, bà cho 130.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng bà P xin góp 2.000.000 đồng/tháng, bà đồng ý và bà P viết giấy cho bà. Sau đó, bà P đến nhà bà năn nỉ bà nhiều lần hỏi vay 100.000.000 đồng, bà không đồng ý nhưng bà P năn nỉ quá nên bà vay của người khác cho bà P vay lại, ngày 31/5/2023 bà P đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T8 để làm tin vay 100.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng và viết giấy cho bà giữ. Bà V cũng cung cấp cho Tòa án tờ giấy photo có nội dung: “*P thiếu cô M 200.000.000 đồng tiền lãi (hai trăm triệu đồng). Xin góp 2.000.000 đ/tháng; ngày 20-3 âm; ngày 9-5 dương*”. Xét thấy, tờ giấy không ghi năm nhưng ngày âm lịch 20/3 âm lịch trùng ngày 9/5 dương lịch là năm 2023. Vậy tờ giấy này được viết vào năm 2023 và trước tờ giấy ngày 31/5/2023 mà bà P thừa nhận. Vậy có cơ sở khẳng định, lời trình bày của bà V là đúng, phù hợp với chứng cứ, tài liệu mà bà đã cung cấp và buộc bà P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà V số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

3.2. Về tiền lãi: Trong tờ giấy ngày 31/5/2023 không có ghi lãi suất, đây là trường hợp không rõ ràng và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vậy nên thời gian tính tiền lãi từ trong hạn từ ngày 01/6/2023 đến ngày 18 tháng 6 năm 2025 (nguyên đơn chấp nhận là tròn 24

tháng), thì tiền lãi trong hạn là $(100.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 2 = 20.000.000 \text{ đồng})$. Tổng số tiền gốc và lãi bà P phải trả cho bà V là 120.000.000 đồng.

3.3. Việc trách nhiệm liên đới của ông T7: Tại Điều 385 Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”. Xét thấy, ông T7 không ký vào giấy vay tiền nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc ông T7 phải liên đới với bà P để trả nợ.

[4]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà V đã được miễn tạm ứng án phí, không hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho những người thừa kế của bà. Bà P phải nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị V do ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị Bích T1, ông Ngô Quốc T2, ông Ngô Quốc T3, ông Ngô Quốc T4, ông Ngô Quốc T5 và ông Ngô Quốc T6 thừa kế quyền, nghĩa vụ đối với bà Phan Thị Uyên P về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Buộc bà Phan Thị Uyên P có trách nhiệm trả cho ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị Bích T1, ông Ngô Quốc T2, ông Ngô Quốc T3, ông Ngô Quốc T4, ông Ngô Quốc T5 và ông Ngô Quốc T6 100.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng)

Từ ngày 19/6/2025, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền gốc (100.000.000 đồng) chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi là 10%/năm.

Về án phí: Bà V đã được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà. Bà Phan Thị Uyên P phải nộp 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Ngô Quốc T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn bà Phan Thị Uyên P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đoàn Thanh T7 vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm